

Số: 05/QĐ-THCSMX

Thành Nam, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026
Trường THCS Mỹ Xá

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS MỸ XÁ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND phường Thành Nam về giao dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2026.

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của **Trường THCS Mỹ Xá** (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Hình thức công khai: Thông báo tại họp hội đồng nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử

Điều 3. Bộ phận tài chính và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CK Web: thcsmyxa.ninhbinh.edu.vn
- Lưu VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đặng Thị Thủy Diệu



Đơn vị: Trường THCS Mỹ Xá

Chương: 822



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-THCSMX ngày 20/01/2026 của

Hiệu trưởng trường THCS Mỹ Xá)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.668.707
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.668.707
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG THÀNH NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 686/QĐ-UBND

Thành Nam, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THÀNH NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV về việc quyết định phân bổ dự toán ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường Thành Nam về kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường Thành Nam về việc Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách phường Thành Nam và phương án phân bổ dự toán chi ngân sách phường Thành Nam năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Thành Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, ban, ngành, các đơn vị trên địa bàn phường Thành Nam (có phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 do UBND phường giao, Thủ trưởng các cơ quan ban ngành, đoàn thể tổ chức thực hiện dự toán được giao theo quy định.

Các cơ quan, đơn vị tuân thủ thực hiện quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và thực hiện quyết toán theo quy định.

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với Thuế cơ sở 5, Phòng giao dịch số 4 - Kho bạc nhà nước khu vực V và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện và tiến hành giám sát, kiểm tra việc thực hiện theo quy định của Nhà nước, báo cáo tham mưu UBND phường có biện pháp cụ thể để chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT Đảng ủy, HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Như Điều 1;
- Lưu: VT, PKTHTĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Huy Thành



ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG THÀNH NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIAO DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND
phường Thành Nam)

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Mỹ Xá
Chương: 822
Mã ĐVQHNS: 1060151

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	10.668.707.000	
	Trong đó:		
1	<u>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</u>	7.726.283.000	
	073 – Giáo dục trung học cơ sở (Nguồn 13)	7.726.283.000	
2	<u>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</u>	2.942.424.000	
	073 – Giáo dục trung học cơ sở (Nguồn 12)	2.425.050.000	
	073 - Giáo dục trung học cơ sở (Nguồn 18)	517.374.000	

Bằng chữ: Mười tỷ sáu trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm linh bảy nghìn đồng chẵn./.



PHỤ LỤC 15

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC PHƯỜNG THÀNH NAM

(Kèm theo Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND phường Thành Nam)

STT	Nội dung	Đơn vị tính: đồng					
		Trường Mầm non Đại An	Trường Mầm non Mỹ Xá	Trường Tiểu học Đại An	Trường Tiểu học Mỹ Xá	Trường THCS Đại An	Trường THCS Mỹ Xá
I	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm (Đã trừ kinh phí thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định số 238 của Chính phủ)	4.156.631.000	4.517.680.000	7.046.580.000	8.101.023.000	5.324.317.000	7.726.283.000
	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	4.156.631.000	4.517.680.000	7.046.580.000	8.101.023.000	5.324.317.000	7.726.283.000
II	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm	528.120.000	526.500.000	901.170.000	2.336.310.000	833.850.000	2.425.050.000
	Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí	528.120.000	526.500.000	901.170.000	2.336.310.000	833.850.000	2.425.050.000
III	Quỹ tiền thưởng theo nghị định 73/2024/NĐ-CP	228.683.000	246.177.000	378.265.000	522.596.000	308.627.000	517.374.000
	Tổng cộng	4.913.434.000	5.290.357.000	8.326.015.000	10.959.929.000	6.466.794.000	10.668.707.000

18.5

